



Bài báo nghiên cứu

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CHỌN NGÀNH NGÔN NGỮ ANH CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Luu Hón Vũ

Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Luu Hón Vũ – Email: luuhonvu@gmail.com

Ngày nhận bài: 19-02-2024; Ngày nhận bài sửa: 22-5-2024; Ngày duyệt đăng: 26-5-2025

TÓM TẮT

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm xác định các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn ngành Ngôn ngữ Anh của tân sinh viên Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh (HUB). Dữ liệu nghiên cứu được thu thập trên nền tảng Google Forms thông qua khảo sát 234 sinh viên. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có ba nhân tố ảnh hưởng cùng chiều đến quyết định chọn ngành của sinh viên: (1) Danh tiếng và cơ hội nghề nghiệp, (2) Đặc điểm của bản thân, (3) Đặc điểm của trường học. Trong đó, nhân tố danh tiếng và cơ hội nghề nghiệp có tác động mạnh nhất, kế đến là nhân tố đặc điểm của bản thân, cuối cùng là nhân tố đặc điểm của trường học. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đưa ra ba khuyến nghị sau đây: (1) Tiếp tục nâng cao danh tiếng của HUB và cơ hội việc làm cho sinh viên, (2) Giúp sinh viên nhận thấy tính tương thích giữa HUB và đặc điểm bản thân sinh viên, và (3) Không ngừng quảng bá các thế mạnh về đặc điểm của HUB.

Từ khóa: nhân tố ảnh hưởng; quyết định chọn ngành; ngành Ngôn ngữ Anh; Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh

1. Mở đầu

Tiếng Anh là một trong sáu ngôn ngữ chính thức của Liên hiệp quốc, là ngôn ngữ có nhiều người sử dụng nhất trên thế giới. Trong bối cảnh chuyển đổi số và toàn cầu hóa kinh tế hiện nay, việc thành thạo ngôn ngữ này sẽ mang đến nhiều cơ hội trong công việc và cuộc sống. Tại Việt Nam, ngày càng có nhiều người theo học và thành thạo ngôn ngữ này. Số lượng trường đại học đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh (NNA) ngày càng nhiều. Tuy nhiên, các nghiên cứu hiện có đã đề cập đến các nhân tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn trung tâm Anh ngữ (Le & Dang, 2021), nhu cầu học tiếng Anh của sinh viên không chuyên (Nguyen & Tran, 2020), lựa chọn ngành học ngoại ngữ (Huynh et al., 2022). Song, vẫn chưa có nghiên cứu nào quan tâm đến các nhân tố ảnh hưởng đến việc chọn học ngành NNA nói chung,

Cite this article as: Luu, H. V. (2026). Factors affecting the decision to choose English language major among freshmen at Ho Chi Minh University of Banking. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 23(4), 860-872. [https://doi.org/10.54607/hcmue.js.23.4.4134\(2026\)](https://doi.org/10.54607/hcmue.js.23.4.4134(2026))

ngành NNA tại Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh (HUB) nói riêng. Vì vậy, việc nghiên cứu về vấn đề này là rất cần thiết, nhằm xác định và đánh giá mức độ ảnh hưởng của các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn ngành NNA của sinh viên. Từ đó, đề xuất một số khuyến nghị có liên quan đến các nhân tố đã phân tích, giúp HUB có thêm cơ sở để xây dựng chiến lược tuyển sinh hiệu quả, giải pháp truyền thông phù hợp.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận

2.1.1. Các giả thuyết nghiên cứu

Nhân tố lời khuyên của người khác. Trong việc chọn trường, chọn ngành học, sinh viên chịu sự tác động mạnh mẽ từ sự thuyết phục, khuyên nhủ của người thân, bạn bè (Chapman, 1981). Lời khuyên của thầy cô, chuyên viên tư vấn tuyển sinh, những sinh viên đã và đang theo học tại trường cũng có ảnh hưởng nhất định đến việc lựa chọn trường học, chọn ngành học của sinh viên (Do, 2021). Giả thuyết H1: *Lời khuyên của người khác có ảnh hưởng cùng chiều đến quyết định chọn ngành NNA của sinh viên.*

Nhân tố truyền thông của trường học. Truyền thông của trường học là các hoạt động truyền thông như tham quan trường học, quảng cáo trên các phương tiện truyền thông, mạng xã hội, hoạt động tư vấn tuyển sinh. Đây là một kênh giao tiếp của trường đại học với sinh viên tương lai của trường, có ảnh hưởng đến quyết định chọn trường, chọn ngành (Nguyen, 2021). Giả thuyết H2: *Truyền thông của trường học có ảnh hưởng cùng chiều đến quyết định chọn ngành NNA của sinh viên.*

Nhân tố đặc điểm của trường học. Theo Chapman (1981), các đặc điểm về địa lí, học phí, chính sách, kí túc xá có tác động đến việc chọn trường. Nhiều nghiên cứu tại Việt Nam (Tran & Cao, 2009; Do, 2021) cũng cho thấy, ngoài các đặc điểm trên, các dịch vụ hỗ trợ gần trường, môi trường học tập, hoạt động ngoại khóa, cơ sở vật chất cũng có tác động rất lớn đối với việc chọn trường, chọn ngành của sinh viên. Giả thuyết H3: *Đặc điểm của trường học có ảnh hưởng cùng chiều đến quyết định chọn ngành NNA của sinh viên.*

Nhân tố cơ hội nghề nghiệp. Cơ hội nghề nghiệp là việc trường giới thiệu việc làm cho sinh viên, hoặc dễ tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp. Ngoài ra, thu nhập cao và địa vị xã hội cao cũng là một phần của cơ hội nghề nghiệp. Cơ hội nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp có ảnh hưởng đến quyết định chọn trường học nói chung (Perna, 2006; Tran & Cao, 2009), sinh viên các ngành học nói riêng (Nguyen et al., 2017). Giả thuyết H4: *Cơ hội nghề nghiệp có ảnh hưởng cùng chiều đến quyết định chọn ngành NNA của sinh viên.*

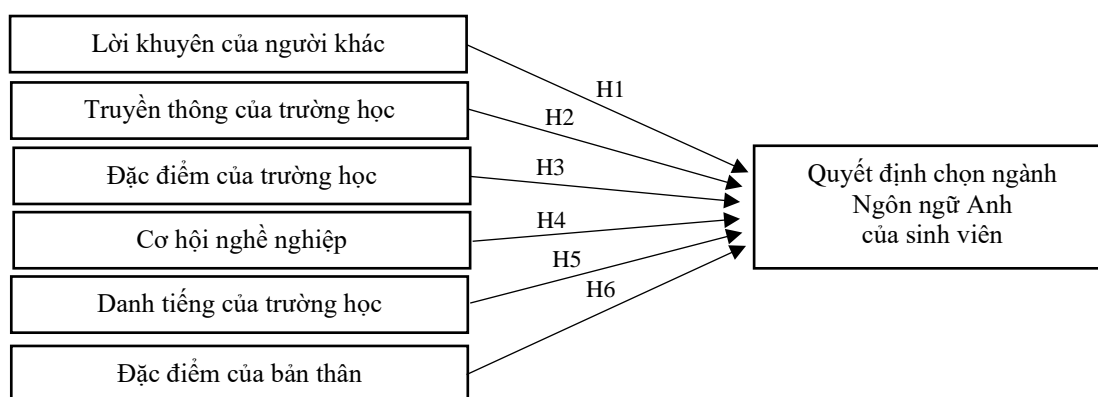
Nhân tố danh tiếng của trường học. Danh tiếng của trường học là thương hiệu, uy tín, chất lượng và sự nổi tiếng của trường đại học, xuất hiện trong tâm trí của mọi người khi đề cập đến. Đối với một ngành học, danh tiếng thể hiện ở chất lượng chương trình đào tạo và chất lượng đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình đào tạo. Theo M. Joseph và B. Joseph (1998), đây là nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến việc chọn trường đại học của sinh viên. Kết quả của các nghiên cứu tại Việt Nam cũng cho thấy, đây là nhân tố tác động đến quyết

định chọn trường, chọn ngành (Do, 2021; Nguyen, 2021). Giả thuyết H5: *Danh tiếng của trường học có ảnh hưởng cùng chiều đến quyết định chọn ngành NNA của sinh viên.*

Nhân tố đặc điểm của bản thân. Đặc điểm của bản thân là những đặc trưng về năng lực, sở thích và kết quả học tập của sinh viên. Việc chọn trường của sinh viên chịu ảnh hưởng bởi các đặc điểm này (Chapman, 1981). Các nghiên cứu về chọn trường học (Tran & Cao, 2009), cũng như các nghiên cứu về chọn ngành học (Nguyen et al., 2017) của sinh viên Việt Nam đã cho thấy, trường đại học, ngành học càng phù hợp với năng lực, sở thích và kết quả học tập bậc trung học phổ thông của sinh viên, sinh viên càng có khuynh hướng chọn trường đại học, ngành học đó. Giả thuyết H6: *Đặc điểm của bản thân có ảnh hưởng cùng chiều đến quyết định chọn ngành NNA của sinh viên.*

2.1.2. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Dựa trên cơ sở các giả thuyết nghiên cứu nêu trên, mô hình nghiên cứu được đề xuất như Hình 1. Trong đó, các nhân tố được giả thuyết từ H1 đến H6 là các biến độc lập ảnh hưởng trực tiếp đến biến phụ thuộc là quyết định chọn ngành NNA của sinh viên.



Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Xây dựng thang đo

Trên cơ sở các thang đo của các nghiên cứu trước đây, tác giả tiến hành điều chỉnh, bổ sung, xây dựng thang đo cho nghiên cứu này. Các nhân tố của thang đo được đưa vào nghiên cứu cụ thể như Bảng 1. Tất cả các biến quan sát trong nghiên cứu này đều sử dụng thang đo năm mức độ của Likert, từ “1 – hoàn toàn không đồng ý” đến “5 – hoàn toàn đồng ý”.

Bảng 1. Thang đo các thành phần

Mã hóa	Nội dung thang đo	Nguồn gốc thang đo
Lời khuyên của người khác		
LK1	Tôi chọn ngành NNA theo lời khuyên của người thân	Tran, & Cao (2009), Do (2021)
LK2	Tôi chọn ngành NNA theo lời khuyên của thầy, cô ở trường Trung học phổ thông	Tran, & Cao (2009), Do (2021), P. Q. Q. Nguyen et al. (2021)
LK3	Tôi chọn ngành NNA theo lời khuyên của bạn bè	P. Q. Q. Nguyen et al. (2021)
LK4	Tôi chọn ngành NNA theo lời khuyên của chuyên viên tư vấn tuyển sinh	P. Q. Q. Nguyen et al. (2021), Nguyen (2021), Do (2021)
LK5	Tôi chọn ngành NNA theo lời khuyên của sinh viên đã và đang theo học tại trường	P. Q. Q. Nguyen et al. (2021), Nguyen (2021)
Truyền thông của trường học		
TT1	Tôi biết ngành NNA thông qua tham quan trực tiếp trường	Tran & Cao (2009), P. Q. Q. Nguyen et al. (2021)
TT2	Tôi biết ngành NNA thông qua quảng cáo trên các phương tiện truyền thông	P. Q. Q. Nguyen et al. (2021), Nguyen (2021)
TT3	Tôi biết ngành NNA thông qua website và các trang mạng xã hội của trường	Tran & Cao (2009), Nguyen (2021)
TT4	Tôi biết ngành NNA thông qua hoạt động tư vấn tuyển sinh của trường	P. Q. Q. Nguyen et al. (2021), Nguyen (2021)
Đặc điểm của trường học		
DD1	Tôi chọn trường vì trường có vị trí địa lý thuận lợi	P. Q. Q. Nguyen et al. (2021)
DD2	Tôi chọn trường vì trường có chế độ học bổng, chính sách ưu đãi cho sinh viên	P. Q. Q. Nguyen et al. (2021), Do (2021)
DD3	Tôi chọn trường vì trường có học phí phù hợp với điều kiện kinh tế	Tran, & Cao (2009), Nguyen (2021), Do (2021)
DD4	Tôi chọn trường vì cơ sở vật chất khang trang, hiện đại	P. Q. Q. Nguyen et al. (2021)
DD5	Tôi chọn trường vì kí túc xá tốt, hiện đại	Tran, & Cao (2009)
DD6	Tôi chọn trường vì môi trường học tập năng động	Nguyen et al. (2017)
DD7	Tôi chọn trường vì hoạt động ngoại khóa phong phú	Do (2021), Nguyen (2021)
DD8	Tôi chọn trường vì trường có đầy đủ các dịch vụ hỗ trợ ở gần trường	P. Q. Q. Nguyen et al. (2021)
Cơ hội nghề nghiệp		
CH1	Tôi chọn ngành NNA vì có cơ hội việc làm cao sau khi tốt nghiệp	Tran & Cao (2007), Do (2021)
CH2	Tôi chọn ngành NNA vì có thu nhập cao khi ra trường	Nguyen et al. (2017)
CH3	Tôi chọn ngành NNA vì có vị trí cao trong xã hội và tổ chức	Tran & Cao (2007), Nguyen et al. (2017)
CH4	Tôi chọn ngành NNA vì trường hỗ trợ tư vấn, hướng nghiệp và giới thiệu việc làm cho sinh viên	Do (2021)
Danh tiếng của trường học		
DT1	Tôi chọn trường vì trường có danh tiếng, thương hiệu	Tran & Cao (2009)
DT2	Tôi chọn trường vì chương trình đào tạo ngành NNA của trường có chất lượng, được đánh giá cao	Do (2021), Nguyen (2021), P. Q. Q. Nguyen et al. (2021)
DT3	Tôi chọn trường vì đội ngũ giảng viên ngành NNA của trường chất lượng cao, giàu kinh nghiệm	Nguyen (2021)
DT4	Tôi chọn trường vì trường đã qua kiểm định cơ sở giáo dục đại học	Tác giả bổ sung
DT5	Tôi chọn trường vì chương trình đào tạo NNA của trường đã qua kiểm định	Tác giả bổ sung

Đặc điểm của bản thân		
BT1	Tôi chọn ngành NNA vì nó phù hợp năng lực của bản thân	Chapman (1981), Nguyen (2021)
BT2	Tôi chọn ngành NNA vì nó phù hợp sở thích của bản thân	Tran & Cao (2009)
BT3	Tôi chọn ngành NNA vì điểm chuẩn của ngành phù hợp với khả năng của bản thân	Chapman (1981), Nguyen (2021)
Quyết định chọn ngành		
QD1	Tôi hài lòng với sự lựa chọn của mình	Nguyen et al. (2017)
QD2	Tôi sẵn lòng giới thiệu người quen vào học tại khoa tôi	Nguyen et al. (2017)
QD3	Tôi tin rằng học ngành NNA giúp tôi làm việc tốt hơn	Nguyen et al. (2017)
QD4	Tôi tin rằng ngành NNA giúp tôi phát triển hơn trong nghề nghiệp	Nguyen et al. (2017)

2.2.2. Mẫu nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, mẫu nghiên cứu được chọn theo phương pháp lấy mẫu thuận tiện. Những người tham gia khảo sát là các sinh viên đang theo học năm thứ nhất ngành NNA tại Khoa Ngoại ngữ của HUB. Dữ liệu được thu thập trực tuyến thông qua nền tảng Google Forms. Số biến quan sát trong nghiên cứu này là 33, do đó kích thước mẫu tối thiểu phải là $N = 33 \times 5 = 165$ (Hair et al., 2010).

2.2.3. Phương pháp xử lý dữ liệu

Toàn bộ dữ liệu thu thập được sẽ được xử lý bằng phần mềm SPSS 25.0. Sau khi được mã hóa và làm sạch, toàn bộ dữ liệu trải qua các bước phân tích sau: (1) Kiểm định độ tin cậy của thang đo; (2) Phân tích nhân tố khám phá; (3) Phân tích tương quan Pearson và phân tích hồi quy đa biến.

2.3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

2.3.1. Thống kê mô tả mẫu

Tham gia khảo sát là 234 tân sinh viên ngành NNA của HUB. Tất cả các phiếu trả lời khảo sát đều là phiếu hợp lệ, đạt tỉ lệ 100%. Điều này cho thấy, số lượng mẫu thu được lớn hơn kích thước mẫu tối thiểu là 165. Có thể thấy rằng, tính đại diện của mẫu trong nghiên cứu này được đảm bảo. Cơ cấu của mẫu trong nghiên cứu này như Bảng 2.

Bảng 2. Thống kê mô tả mẫu

Tiêu chí		Số lượng	Tỉ lệ %
Giới tính	Nam	52	22,22
	Nữ	182	77,78
Dân tộc	Kinh	227	97,00
	Khác	7	3,00
Địa bàn gia đình cư trú	Thành thị	109	46,58
	Nông thôn	125	53,42
Độ tuổi trung bình		18,08	

2.3.2. Kiểm định độ tin cậy của thang đo

Bảng 3. Kiểm định Cronbach's Alpha

Thang đo	Số biến quan sát ban đầu	Số biến quan sát còn lại	Hệ số Cronbach's Alpha	Hệ số tương quan biến - tổng thấp nhất
Lời khuyên của người khác	5	5	0,859	0,528
Truyền thông của trường học	4	4	0,761	0,549
Đặc điểm của trường học	8	8	0,888	0,532
Cơ hội nghề nghiệp	4	4	0,845	0,578
Danh tiếng của trường học	5	5	0,884	0,639
Đặc điểm của bản thân	3	3	0,753	0,485
Quyết định chọn ngành	4	4	0,927	0,780

Bảng 3 cho thấy, tất cả các thang đo đều có hệ số Cronbach's Alpha lớn hơn 0,70, đều có hệ số tương quan biến - tổng lớn hơn 0,30. Qua đó cho thấy, tất cả các biến quan sát đều đạt yêu cầu để thực hiện bước phân tích nhân tố khám phá.

2.3.3. Phân tích nhân tố khám phá

a. Phân tích nhân tố khám phá các biến độc lập

Các biến độc lập được đưa vào phân tích nhân tố khám phá bằng phương pháp trích Principal Component với phép xoay Varimax. Kết quả phân tích nhân tố khám phá lần một cho thấy, biến quan sát CH4 bị loại, vì có hệ số tải nhỏ hơn hệ số tải tiêu chuẩn. Kết quả phân tích nhân tố khám phá lần hai cho thấy, biến quan sát DT3 bị loại, vì tải lên hai nhóm nhân tố và có chênh lệch hệ số tải nhỏ hơn 0,2. Kết quả phân tích nhân tố khám phá lần ba cho thấy, biến quan sát DD5 bị loại, vì có hệ số tải nhỏ hơn hệ số tải tiêu chuẩn. Sau khi thực hiện phân tích nhân tố khám phá lần bốn, tác giả có được kết quả như Bảng 4, 5 và 6.

Bảng 4. Kiểm định KMO và Bartlett của các biến độc lập

Hệ số KMO		0,898
Kiểm định Barlett	Giá trị Chi-Square	4020,638
	Df	325
	Sig.	0,000

Bảng 5. Tổng phương sai được giải thích của các biến độc lập

Nhân tố	Eigenvalues khởi tạo			Tổng số vòng quay của giá trị bình phương		
	Tổng cộng	% của phương sai	% tích lũy	Tổng cộng	% của phương sai	% tích lũy
1	9,764	37,554	37,554	3,632	13,971	13,971
2	2,966	11,407	48,960	3,474	13,361	27,332
3	1,726	6,637	55,598	3,390	13,040	40,372
4	1,336	5,137	60,735	2,536	9,755	50,128
5	1,173	4,513	65,248	2,513	9,664	59,792
6	1,018	3,917	69,165	2,437	9,373	69,165

Bảng 6. Kết quả phân tích nhân tố khám phá các biến độc lập

	1	2	3	4	5	6
DD8	0,756					
DD4	0,728					
DD1	0,717					
DD6	0,685					
DD7	0,543					
DD2	0,529					
CH2		0,797				
CH1		0,743				
CH3		0,719				
DT1		0,660				
DT2		0,533				
LK2			0,830			
LK5			0,776			
LK4			0,764			
LK3			0,759			
LK1			0,725			
TT4				0,728		
TT1				0,705		
TT2				0,579		
TT3				0,557		
BT1					0,788	
BT2					0,779	
BT3					0,710	
DD3					0,507	
DT4						0,839
DT5						0,837

Bảng 4 cho thấy, kết quả kiểm định Bartlett có mức ý nghĩa rất cao và hệ số KMO > 0,5. Bảng 5 cho thấy, điểm dừng Eigenvalues bằng 1,018 và tổng phương sai trích là 69,165%. Bảng 6 cho thấy, hệ số tải nhân tố có giá trị từ 0,507 đến 0,839. Kết quả này chỉ ra rằng, phân tích nhân tố khám phá là phù hợp, có sáu nhân tố được tạo ra, cụ thể như sau:

Nhân tố 1 gồm DD1, DD2, DD4, DD6, DD7 và DD8, đều là các biến về đặc điểm của trường học. Nhân tố này được đặt tên là đặc điểm của trường học (DD), có Mean = 3,4665.

Nhân tố 2 gồm CH1, CH2, CH3, DT1 và DT2, là các biến về cơ hội nghề nghiệp và danh tiếng, chất lượng đào tạo của nhà trường. Nhà trường có danh tiếng và chất lượng đào tạo tốt sẽ giúp sinh viên có nhiều cơ hội việc làm hơn, vì vậy nhân tố mới này được đặt tên là danh tiếng và cơ hội nghề nghiệp (DTCH), có Mean = 3,5761.

Nhân tố 3 gồm LK1, LK2, LK3, LK4 và LK5, đều là các biến về lời khuyên của người khác. Nhân tố này vẫn được đặt tên là lời khuyên của người khác (LK), có Mean = 2,4248.

Nhân tố 4 gồm TT1, TT2, TT3 và TT4, đều là các biến về truyền thông của nhà trường. Nhân tố này vẫn được đặt tên là truyền thông của nhà trường (TT), có Mean = 2,8056.

Nhân tố 5 gồm BT1, BT2, BT3 và DD3, đều là các biến về đặc điểm của bản thân. Nhân tố mới này được đặt tên là đặc điểm của bản thân (BT), có Mean = 3,7927.

Nhân tố 6 gồm DT4 và DT5, đều là các biến về kiểm định của trường học, ngành học. Nhân tố mới này được đặt tên là kiểm định của trường học (KD), có Mean = 3,3141.

6 nhân tố này sẽ được sử dụng trong phân tích tác động đến quyết định chọn ngành NNA của sinh viên HUB.

b. Phân tích nhân tố khám phá biến phụ thuộc

Biến phụ thuộc được đưa vào phân tích nhân tố khám phá bằng phương pháp trích Principal Component với phép xoay Varimax. Kết quả cho thấy, kiểm định Bartlett có mức ý nghĩa rất cao với Sig. bằng 0,000, hệ số KMO bằng 0,822 (> 0,5), điểm dừng Eigenvalues bằng 3,292, tổng phương sai trích là 82,295%, hệ số tải nhân tố có giá trị từ 0,873 đến 0,939. Qua đó cho thấy, bốn biến quan sát của nhân tố quyết định chọn ngành có độ hội tụ cao và gom thành một nhân tố. Nhân tố quyết định chọn ngành (QD) có Mean = 3,8707.

2.3.4. Hiệu chỉnh giả thuyết của mô hình nghiên cứu

Căn cứ vào kết quả phân tích nhân tố khám phá, tác giả tiến hành hiệu chỉnh giả thuyết của mô hình nghiên cứu đã đề xuất. Cụ thể như sau:

Giả thuyết H1: *Lời khuyên của người khác có ảnh hưởng cùng chiều đến quyết định chọn ngành NNA của sinh viên.*

Giả thuyết H2: *Truyền thông của trường học có ảnh hưởng cùng chiều đến quyết định chọn ngành NNA của sinh viên.*

Giả thuyết H3: *Đặc điểm của trường học có ảnh hưởng cùng chiều đến quyết định chọn ngành NNA của sinh viên.*

Giả thuyết H4: *Danh tiếng và cơ hội nghề nghiệp có ảnh hưởng cùng chiều đến quyết định chọn ngành NNA của sinh viên.*

Giả thuyết H5: *Kiểm định của trường học có ảnh hưởng cùng chiều đến quyết định chọn ngành NNA của sinh viên.*

Giả thuyết H6: *Đặc điểm của bản thân có ảnh hưởng cùng chiều đến quyết định chọn ngành NNA của sinh viên.*

2.3.5. Kiểm định mô hình nghiên cứu

a. Phân tích tương quan Pearson

Bảng 7. Ma trận tương quan

	QD	DD	DTCH	LK	TT	BT	KD
QD	1						
DD	0,611**	1					
DTCH	0,726**	0,659**	1				
LK	0,198**	0,304**	0,346**	1			
TT	0,460**	0,564**	0,552**	0,488**	1		
BT	0,658**	0,527**	0,537**	0,204**	0,423**	1	
KD	0,413**	0,633**	0,534**	0,343**	0,512**	0,324**	1

** là mức ý nghĩa 0,01

Bảng 7 cho thấy, giữa QD, DD, DTCH, LK, TT, BT và KD đều có hệ số tương quan thỏa mãn có ý nghĩa thống kê tại mức 0,01. Qua đó cho thấy, giữa các biến độc lập DD, DTCH, LK, TT, BT, KD và biến phụ thuộc QD có sự tương quan chặt chẽ với nhau.

b. Phân tích hồi quy đa biến

Bảng 8. Tóm tắt mô hình

Mô hình	R	R ²	R ² hiệu chỉnh	Ước lượng sai số chuẩn	Durbin-Watson
1	0,802	0,643	0,633	0,49961	2,010

Bảng 9. Kết quả phân tích ANOVA

Mô hình	Tổng bình phương	df	Bình phương trung bình	F	Sig.
Hồi quy	101,990	6	16,998	68,099	0,000
1 Phần dư	56,662	227	0,250		
Tổng	158,652	233			

Bảng 10. Kết quả phân tích hồi quy đa biến

Mô hình	Hệ số chưa chuẩn hoá		Hệ số chuẩn hoá	t	Sig.	Thống kê đa cộng tuyến	
	B	Độ lệch chuẩn	Beta			Độ chấp nhận của biến	VIF
(Hằng số)	0,174	0,197		0,883	0,378		
DD	0,151	0,064	0,146	2,347	0,020	0,405	2,467
DTCH	0,540	0,066	0,477	8,211	0,000	0,466	2,144
1 LK	-0,083	0,046	-0,084	-1,817	0,071	0,744	1,344
TT	0,026	0,056	0,026	0,467	0,641	0,521	1,920
BT	0,383	0,056	0,340	6,882	0,000	0,644	1,553
KD	-0,024	0,046	-0,029	-0,534	0,594	0,541	1,848

Bảng 8 cho thấy, mô hình hồi quy có hệ số R² là 0,643, có hệ số R² hiệu chỉnh là 0,633. Giá trị R² hiệu chỉnh cho biết rằng, mô hình giải thích được 63,3% sự thay đổi của nhân tố quyết định chọn ngành. Bảng 8 còn cho thấy, giá trị Durbin-Watson là 2,010, nằm trong khoảng 1,5 đến 2,5, mô hình không tồn tại tự tương quan chuỗi bậc nhất.

Bảng 9 cho thấy, giá trị F bằng 68,099, Sig. bằng 0,000. Tổng bình phương của hồi quy (158,652) lớn hơn tổng bình phương của phần dư (56,662). Điều này cho thấy, mô hình giải thích hầu hết phương sai của biến phụ thuộc.

Bảng 10 cho thấy, các biến độc lập DD, DTCH và BT đều đạt yêu cầu (Sig. < 0,01). Ngoài ra, các biến độc lập đều có hệ số VIF nhỏ hơn 2,5. Điều này chứng tỏ không có hiện tượng đa cộng tuyến trong mô hình.

Kết quả này cho thấy, chỉ có ba nhân tố có tác động đến quyết định chọn ngành NNA của sinh viên HUB. Đó là các nhân tố đặc điểm của trường học (DD), danh tiếng và cơ hội nghề nghiệp (DTCH) và đặc điểm của bản thân (BT). Các nhân tố này đều tương quan thuận với nhân tố quyết định chọn ngành (QD), các hệ số hồi quy Beta đều lớn hơn 0. Nhân tố danh tiếng và cơ hội nghề nghiệp (DTCH) có ảnh hưởng mạnh nhất đến quyết định chọn ngành NNA của sinh viên HUB (Beta = 0,477), tiếp đến là đặc điểm của bản thân (BT) (Beta = 0,340), cuối cùng là nhân tố đặc điểm của trường học (DD) (Beta = 0,146).

Sau khi phân tích hồi quy, tác giả có được phương trình hồi quy chuẩn hóa như sau:

$$QD = 0,477*DTCH + 0,340*BT + 0,146*DD + 0,026*TT - 0,029*KD - 0,084*LK$$

c. Kết quả kiểm định giả thuyết nghiên cứu

Bảng 11. Tóm tắt kết quả kiểm định các giả thuyết nghiên cứu

Giả thuyết	Mối quan hệ	Kết quả
H1	Lời khuyên của người khác =>	Quyết định chọn ngành
H2	Truyền thông của trường học =>	Quyết định chọn ngành
H3	Đặc điểm của trường học =>	Quyết định chọn ngành
H4	Danh tiếng và cơ hội nghề nghiệp =>	Quyết định chọn ngành
H5	Kiểm định của trường học =>	Quyết định chọn ngành
H6	Đặc điểm của bản thân =>	Quyết định chọn ngành

Kết quả kiểm định các giả thuyết nghiên cứu cho thấy, các giả thuyết H3, H4 và H6 đều được chấp nhận. Các nhân tố đặc điểm của trường học, danh tiếng và cơ hội nghề nghiệp, đặc điểm của bản thân có ảnh hưởng đến quyết định chọn ngành NNA HUB của sinh viên, khi những nhân tố này tăng sẽ làm gia tăng mức độ quyết định chọn ngành của sinh viên. Nói cách khác, sinh viên chọn học NNA tại HUB chủ yếu là vì (1) đặc điểm của trường học, (2) danh tiếng và cơ hội nghề nghiệp, (3) đặc điểm của bản thân. Điều này có thể được lí giải như sau:

Thứ nhất, HUB tọa lạc tại trung tâm Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Trường có vị trí địa lí khá thuận lợi với người học đến từ các tỉnh, thành miền Trung và Đông Nam Bộ, hơn 85% tân sinh viên tham gia khảo sát đều đến từ các tỉnh, thành này. Xung quanh trường có nhiều dịch vụ cho thuê nhà trọ, dịch vụ ăn uống, cửa hàng tiện lợi, trung tâm đào tạo ngắn hạn, có tuyến xe buýt đến thẳng đến Phường Bến Thành, hỗ trợ rất lớn cho sinh viên trong học tập, cuộc sống và tìm kiếm công việc làm thêm.

Thứ hai, HUB có cơ sở vật chất khang trang, hiện đại, môi trường học tập năng động và chính sách sinh viên tốt. Các phòng học của trường đều được trang bị hệ thống điều hòa nhiệt độ, máy chiếu. Khuôn viên trường đẹp, có rất nhiều thảm xanh. Hệ thống thư viện có nguồn tài nguyên đa dạng. Trường có rất nhiều câu lạc bộ, đội, nhóm với rất nhiều hoạt động ngoại khóa, kiến tạo nên một môi trường học tập năng động. Ngoài ra, trường còn có rất nhiều loại học bổng dành cho sinh viên, như học bổng khuyến khích học tập, học bổng của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, học bổng ngành Ngân hàng và rất nhiều học bổng từ các nguồn tài trợ khác.

Thứ ba, HUB là một trường đại học danh tiếng, có bề dày lịch sử gần 50 năm. Trường có gần 20 năm kinh nghiệm trong đào tạo ngành NNA, chuyên ngành Tiếng Anh thương mại. Chương trình đào tạo NNA của trường có chất lượng tốt, đã được kiểm định MOET vào năm 2023 với kết quả đánh giá rất cao (tỉ lệ số tiêu chí đạt yêu cầu là 94%). Điểm chuẩn ngành NNA của trường hàng năm không quá cao so với các trường bạn, nhưng cũng không quá thấp, phù hợp với các bạn yêu thích tiếng Anh, có trình độ tiếng Anh nhất định.

Thứ tư, ngành NNA giúp sinh viên có được nhiều cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp, thu nhập cao, có vị trí cao trong xã hội và tổ chức. Cựu sinh viên ngành NNA của HUB đại đa số công tác trong lĩnh vực ngân hàng, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, với mức thu nhập trung bình khá tốt. Một bộ phận nhỏ sinh viên sau khi ra trường đi theo sự nghiệp giảng dạy, khởi nghiệp với các dự án trung tâm tiếng Anh.

Thứ năm, HUB chỉ mới bắt đầu tự chủ tài chính vào tháng 6 năm 2023, mức thu học phí của trường với khóa tuyển sinh 2023 là 18.360.000 đồng/năm học. Đây là mức học phí tương đối thấp so với các trường cùng nhóm ngành, phù hợp với những sinh viên chưa có nhiều điều kiện tài chính.

3. Kết luận và khuyến nghị

3.1. Kết luận

Nghiên cứu xác định được ba nhân tố quan trọng có ảnh hưởng mạnh nhất đến quyết định chọn ngành NNA của tân sinh viên HUB, đó là: danh tiếng và cơ hội nghề nghiệp, đặc điểm của bản thân và đặc điểm của trường học. Trong đó, nhân tố danh tiếng và cơ hội nghề nghiệp có tác động mạnh nhất đến quyết định chọn ngành NNA của tân sinh viên HUB, kế đến là nhân tố đặc điểm của bản thân, nhân tố tác động thấp nhất là nhân tố đặc điểm trường học. Mô hình giải thích được 63,3% tác động của các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn ngành.

3.2. Khuyến nghị

Dựa trên kết quả nghiên cứu, tác giả cho rằng, trong các hoạt động tuyển sinh ngành NNA của mình, HUB cần tập trung vào các thông tin về danh tiếng và cơ hội nghề nghiệp của ngành NNA, đặc điểm của trường học và đặc điểm của bản thân sinh viên. Tác giả đưa ra các khuyến nghị sau:

Thứ nhất, tiếp tục nâng cao danh tiếng của trường học và cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên. Đây là giải pháp hàng đầu nhằm thu hút sinh viên chọn ngành NNA của HUB. Trong chiến lược tuyển sinh ngành NNA, HUB cần nhấn mạnh lịch sử và kinh nghiệm đào tạo ngành NNA của nhà trường, giới thiệu những cựu sinh viên thành đạt, tỉ lệ có việc làm của sinh viên ngành NNA HUB, vị trí việc làm của sinh viên ngành NNA HUB sau khi tốt nghiệp.

Thứ hai, giúp sinh viên nhận thấy tính tương thích giữa HUB và những đặc điểm của bản thân. HUB tuy là trường đại học công lập tự chủ tài chính, nhưng lại có mức học phí tương đối thấp so với các trường đại học công lập và tư thục khác. HUB có chất lượng cao trong đào tạo ngành NNA, đặc biệt là chuyên ngành Tiếng Anh thương mại. Có thể nói, HUB phù hợp với sinh viên có năng lực tiếng Anh nhất định, mong muốn theo học chuyên ngành Tiếng Anh thương mại, với khả năng tài chính có hạn. Trong tương lai, HUB cần đảm bảo chất lượng đào tạo ngành NNA và duy trì mức học phí phù hợp.

Thứ ba, không ngừng quảng bá các thế mạnh về đặc điểm của trường học. HUB tại cơ sở Thủ Đức hiện có ba dãy giảng đường khang trang, có nhiều loại học bổng dành cho sinh viên, xung quanh trường có đầy đủ các dịch vụ hỗ trợ (ăn uống, nhà trọ, đào tạo...) cho sinh

viên, nhiều hoạt động ngoại khóa cho sinh viên được tổ chức, môi trường học tập năng động. Song, nhà trường vẫn cần không ngừng phát triển cơ sở vật chất, hệ thống wifi, hỗ trợ tốt hơn cho sinh viên trong học tập và nghiên cứu, kết nối với ngân hàng và doanh nghiệp để có thêm nhiều nguồn học bổng cho sinh viên, tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa cho sinh viên ngành NNA như các cuộc thi học thuật bằng tiếng Anh, các câu lạc bộ tiếng Anh.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Chapman, D.W. (1981). A model of student college choice. *The Journal of Higher Education*, 52(5), 490-505.
- Do, T. T. T. (2021). The factors affecting the decision to choose a university for high school students. *Banking Science & Training Review*, (11), 58-69.
- Hair, J. J. F., Black, W. C., Babin, B. J., & Anderson, R. E. (2010). *Multivariate Data Analysis* (7th edition). Pearson.
- Huynh, N. M. K., Nguyen, D. C., & Pham, T. T. N. (2022). Factors influencing students' choices in learning a foreign language – A case study at The University of Danang - University of Foreign Language Studies. *The University of Danang - Journal of Science and Technology*, 20(2), 31-35.
- Joseph, M., & Joseph, B. (1998). Identifying Need of potential students in tertiary education for strategy development. *Quality Assurance in Education*, 6(2), 90-96.
- Le, G. N., & Dang, T. Y. N. (2021). Factors affecting the decision to choose an English center in Ho Chi Minh city. *Economy & Forecast Review*, (9), 128-131.
- Nguyen, D. N. H., & Tran, Q. T. (2020). Factors affecting non-English majors' English learning needs. *Ho Chi Minh City Open University Journal of Science - Social Sciences*, 15(1), 216-229.
- Nguyen, P. Q. Q., Phong T. H. M., & Thai, N. V. (2021). Factors affecting students' decision on university selection at Tay Do University. *Journal of Scientific Research and Economic Development*, (11), 18-32.
- Nguyen, T. B. V., Nguyen, T. T. V., & Luu, C. D. (2017). Factors influencing the choice of accounting major in Vietnam. *Journal of Economics & Development*, 23(2), 72-82.
- Nguyen, T. T. H. (2021). A study on factors affecting the decision of choosing university of high school pupils in Quang Ngai province. *Vietnam Journal of Science, Technology and Engineering*, 63(4), 1-7.
- Perna, L. W. (2006). Studying college: Access and Choice: A proposed conceptual model. In: Smart, J.C. (eds). *Higher Education: Handbook of Theory and Research* (pp.99-157), vol 21. Springer, Dordrecht.
- Tran, V. Q., & Cao, H. T. (2009). Factors affecting the decision to choose a university of high school students. *Science and Technology Development Journal*, 12(15), 87-102.

**FACTORS AFFECTING THE DECISION TO CHOOSE ENGLISH LANGUAGE MAJOR
AMONG FRESHMEN AT HO CHI MINH UNIVERSITY OF BANKING****Luu Hon Vu***Ho Chi Minh University of Banking, Vietnam**Corresponding author: Luu Hon Vu – Email: luuhonvu@gmail.com**Received: February 19, 2024; Revised: May 22, 2024; Accepted: May 26, 2025***ABSTRACT**

This study was conducted to determine the factors affecting the decision to choose an English language major among freshmen at Ho Chi Minh University of Banking (HUB). Data were collected using Google Forms. A total of 234 students joined the study. The research results show that three factors positively affect students' decision to choose an English language major: (1) reputation and career opportunities, (2) personal characteristics, and (3) university characteristics. Among these, reputation and career opportunities exert the most substantial impact, followed by personal characteristics and university characteristics. Based on these findings, the study proposes three recommendations: (1) further enhance HUB's reputation and employment opportunities for students, (2) help prospective students recognize the compatibility between HUB and their personal characteristics, and (3) continue promoting the strengths of HUB's characteristics.

Keywords: affecting factors; decision; English language major; Ho Chi Minh University of Banking